TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2021
" *V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, ông Vũ Mạnh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 360/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN. Địa chỉ: 02 L H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Xuân Bửu T – chức vụ: Giám đốc A- chi nhánh E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn D. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN – Chi nhánh huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Địa chỉ: 04 Q, khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *(theo văn bản uỷ quyền ngày 15/10/2020).* (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Văn S. Địa chỉ: Thôn Th, xã X, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, các lời khai và tại phiên toà người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*

- Ngày 30/3/2018, ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN (sau đây viết tắt là ngân hàng) số tiền 280.000.000 đồng với thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 30/3/2018 đến ngày 28/3/2021. Lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/ lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360. Thời hạn định kỳ trả lãi và gốc như sau:

+ Ngày 28/3/2019 trả nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi.

+ Ngày 28/3/2020 trả nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi.

+ Ngày 28/3/2021 trả nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi.

Đến ngày 02/4/2019 ông S và bà Q có trả cho ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và 29.922.054 đồng tiền lãi.

- Ngày 09/4/2019, ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN (sau đây viết tắt là ngân hàng) số tiền 20.000.000 đồng với thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 09/4/2019 đến ngày 28/3/2020. Lãi suất trong hạn 10.7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 16,05%/năm, lãi suất chậm trả 150%/năm theo hợp đồng tín dụng số: 5202LAV201901471. Tại 02 hợp đồng tín dụng này có quy định về điều kiện thu hồi nợ trước hạn khi ông S, bà Q vi phạm về việc trả gốc và lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Khi vay tiền theo 02 hợp đồng tín dụng trên, ông S và bà Q có thế chấp cho Ngân hàng 01 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 8.143,3m^2 tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại thôn Thanh Phong, xã Xuân Phú, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện EaKar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911729 ngày 29/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q, trên đất có 600 cây cà phê kinh doanh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SX34/16 ngày 21/4/2016.

Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông S và bà Q không trả cho thêm ngân hàng được khoản tiền gốc và lãi nào. Như vậy đã vi phạm vào Điều 4 và điểm c khoản 1 Điều 10 của hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360 ngày 30/3/2018 và hợp đồng tín dụng số 5202LAV201901471 ngày 09/4/2019 của ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng, đồng thời ngân hàng được thu hồi nợ trước hạn. Vì vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q phải trả cho ngân hàng số nợ gốc của 02 khoản vay theo 02 hợp đồng tín dụng là 280.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 15/4/2021 là 73.230.357 đồng, tổng cộng cả tiền vay gốc và lãi là 353.230.357 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360 ngày 30/3/2018 là 260.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 55.171.645 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 15/4/2021 là 12.609.041 đồng và tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 5202LAV201901471

ngày 09/4/2019 là 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính là 2.081.370 và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 3.368.301 đồng. Trường hợp ông S, bà Q không trả được nợ hoặc không trả hết nợ thì đề nghị Toà án giải quyết cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SX34/16 ngày 21/4/2016 để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông S, bà Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Toà án để làm việc nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện EaKar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Bị đơn đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông S, bà Q phải trả cho ngân hàng số nợ là 353.230.357 đồng, trong đó nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 73.230.357 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN khởi kiện yêu cầu ông S, bà Q phải trả cho ngân hàng số nợ là 353.230.357 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S và bà Q vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông S và bà Q theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông S, bà Q không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa hôm nay ông S, bà Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà Q.

[2] Về nội dung: Ngày 30/3/2018, ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN 280.000.000 đồng với thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 30/3/2018 đến ngày 28/3/2018. Lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/ lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360. Thời hạn định kỳ trả lãi và gốc như sau:

+ Ngày 28/3/2019 trả nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi.

+ Ngày 28/3/2020 trả nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi.

+ Ngày 28/3/2021 trả nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi.

Đến ngày 02/4/2019 ông S và bà Q có trả cho ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và 29.922.054 đồng tiền lãi.

- Ngày 09/4/2019, ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN (sau đây viết tắt là ngân hàng) số tiền 20.000.000 đồng với thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 09/4/2019 đến ngày 28/3/2020. Lãi suất trong hạn 10.7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 16,05%/năm, lãi suất chậm trả 150%/năm theo hợp đồng tín dụng số: 5202LAV201901471.

Nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bên vay mới trả cho ngân hàng được 20.000.000 đồng gốc và 29.922.054 đồng tiền lãi của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360 và chưa trả được một khoản tiền gốc và lãi nào theo khoản vay theo hợp đôngg tín dụng số 5202LAV201901471. Như vậy, ông S, bà Q đã không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng và ngân hàng được thu hồi nợ trước hạn theo điểm c khoản 1 Điều 10 hợp đồng tín dụng. Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên HĐXX cần buộc ông S, bà Q phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 15/4/2021 là 73.230.357 đồng, tổng cộng cả tiền vay gốc và lãi là 353.230.357 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360 ngày 30/3/2018 là 260.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 55.171.645 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 15/4/2021 là 12.609.041 đồng và tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 5202LAV201901471 ngày 09/4/2019 là 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.081.370 và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 3.368.301 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với tài sản là 01 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 8.143,3m^2 tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại thôn Thanh Phong, xã Xuân Phú, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện EaKar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911729 ngày 29/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q, trên đất có 600 cây cà phê kinh doanh. Đây là những tài sản đã được thế chấp nhằm bảo đảm cho việc

thực hiện nghĩa vụ của ông S, bà Q. Do vậy, trong trường hợp ông S, bà Q không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SX34/16 ngày 21/4/2016 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, do nguyên đơn đã tạm ứng. Nay, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông S, bà Q phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông S, bà Q phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (*theo mức* 353.230.357 đồng *x 5%).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 156, Điều 158; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, khoản 1, điểm a, b kkhoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN số tiền nợ là 353.230.357 đồng, trong đó nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi là 73.230.357 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201801360 ngày 30/3/2018 và hợp đồng tín dụng số 5202LAV201901471 ngày 09/4/2019 cho đến khi thi hành án xong.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN phải trả lại cho ông Nguyễn Sỹ Quảng và bà Trần Thị Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911729 đã được UBND huyện EaKar cấp ngày 29/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q sau khi ông S, bà Q trả nợ xong.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị Q không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản

thế chấp là 01 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 8.143,3m^2 tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại thôn Thanh Phong, xã Xuân Phú, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện EaKar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911729 ngày 29/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SX34/16 ngày 21/4/2016 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q phải trả cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Q phải chịu 17.661.517 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN 8.520.589 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011556 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện EaKar.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện Eakar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh